

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường giao thông đến trung tâm xã Mỹ Tú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (Đường Huyện 86)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng (Tờ trình số 624/TTr-STNMT-CCQLĐĐ ngày 06/4/2018),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất (gọi tắt là hệ số) và giá đất để tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường giao thông đến trung tâm xã Mỹ Tú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (Đường Huyện 86), cụ thể như sau:

1. Vị trí đất thu hồi: Ấp Mỹ Lợi B, xã Mỹ Tú và ấp Phương Hòa 2, Phương Hòa 3, xã Hưng Phú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

2. Loại đất, hệ số và giá đất: Chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Căn cứ hệ số và giá đất được phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú có trách nhiệm hoàn chỉnh, phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và lập hồ sơ, thủ tục thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình

Đường giao thông đến trung tâm xã Mỹ Tú, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (Đường Huyện 86) theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Phòng TN&MT huyện MT;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Lê Văn Hiếu*



**Phụ lục**

**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT VÀ GIÁ ĐẤT ĐỂ TÍNH TIỀN BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT ĐỐI VỚI DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG GIAO THÔNG ĐẾN TRUNG TÂM XÃ MỸ TÚ, HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG (ĐƯỜNG HUYỆN 86)**

*(Kèm theo Quyết định số 901 /QĐ-UBND ngày 16/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

**1. Giá đất ở tại nông thôn**

STT	Tên đường	Đoạn đường		Vị trí	Hệ số	Giá đất (Đồng/m <sup>2</sup> )
		Từ	Đến			
<b>1</b>	<b>Đất ở tại nông thôn trên địa bàn xã Hưng Phú, huyện Mỹ Tú</b>					
1.1	Quốc Lộ Quản lộ Phụng Hiệp	Kênh Đập đá	Kênh Bắc bộ	Trong phạm vi từ mét thâm hậu thứ 30 trở xuống, tính từ mép lộ giới	1,33	600.000
1.2	Các đường đal trên địa bàn xã	Suốt tuyến			1,6	240.000
1.3	Đất ở khu vực 3	Vị trí 2		1,6	192.000	
		Vị trí 3		1,6	160.000	
<b>2</b>	<b>Đất ở tại nông thôn trên địa bàn xã Mỹ Tú, huyện Mỹ Tú</b>					
2.1	Đường Huyện 84	Ranh thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	Ranh xã Mỹ Phước	Trong phạm vi từ mét thâm hậu thứ 30 trở xuống, tính từ mép lộ giới	1,88	300.000
2.2	Đường Tỉnh 939	Ranh thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	Ranh xã Mỹ Phước		1,88	470.000
2.3	Các đường đal trên địa bàn xã	Suốt tuyến			1,6	240.000
2.4	Đất ở khu vực 3	Vị trí 2		1,6	192.000	
		Vị trí 3		1,6	160.000	
<b>3</b>	<p>- Đối với diện tích đất từ mét thâm hậu thứ trên 30 đến mét thâm hậu thứ 70, tính từ mép lộ giới: Giá đất được tính bằng 50% giá đất ở mặt tiền.</p> <p>- Đối với diện tích đất từ mét thâm hậu thứ trên 70 trở lên, tính từ mép lộ giới: Giá đất được tính bằng 25% giá đất ở mặt tiền.</p>					



## 2. Giá đất nông nghiệp

STT	Vị trí	Hệ số	Giá đất (Đồng/m <sup>2</sup> )
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp trên địa bàn xã Hưng Phú, huyện Mỹ Tú</b>		
1.1	Đất nông nghiệp trong khu dân cư; đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp Quốc lộ Quản lộ Phụng Hiệp (đoạn từ Kênh Đập Đá đến kênh Bắc Bộ), (áp dụng trong phạm vi 50 mét trở xuống, tính từ mép lộ).	2,11	148.000
1.2	Đất trồng cây hàng năm (trừ Mục 1.1)		
1.2.1	Khu vực 3, vị trí 3 (ranh giới phía Đông giáp ranh xã Long Hưng; phía Tây giáp ranh huyện Ngã Năm (nay là thị xã Ngã Năm); phía Nam giáp Kênh 1000, Kênh Tư Lý, Kênh ba Cường, Kênh Cô Ba; phía Bắc giáp Kênh Quản lộ Phụng Hiệp).	1,05	42.000
1.2.2	Khu vực 3, vị trí 4 (khu vực còn lại).	1,2	42.000
1.3	Đất trồng cây lâu năm (trừ Mục 1.1)		
1.3.1	Khu vực 3, vị trí 3 (ranh giới phía Đông giáp ranh xã Long Hưng; phía Tây giáp ranh huyện Ngã Năm (nay là thị xã Ngã Năm); phía Nam giáp Kênh 1000, Kênh Tư Lý, Kênh ba Cường, Kênh Cô Ba; phía Bắc giáp Kênh Quản lộ Phụng Hiệp).	1,05	47.000
1.3.2	Khu vực 3, vị trí 4 (khu vực còn lại).	1,18	47.000
<b>2</b>	<b>Đất nông nghiệp trên địa bàn xã Mỹ Tú, huyện Mỹ Tú</b>		
2.1	Đất nông nghiệp trong khu dân cư; đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp đường Huyện 84 (đoạn từ ranh thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa đến ranh xã Mỹ Phước), (áp dụng trong phạm vi 50 mét trở xuống, tính từ mép lộ).	1,88	132.000
2.2	Đất nông nghiệp trong khu dân cư; đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp đường Tỉnh 939 (đoạn từ ranh thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa đến ranh xã Mỹ Phước), (áp dụng trong phạm vi 50 mét trở xuống, tính từ mép lộ).	1,88	132.000
2.3	Đất trồng cây hàng năm (trừ Mục 2.1, 2.2)		

2.3.1	Khu vực 3, vị trí 3 (phía Đông giáp ranh thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa; phía Tây giáp ranh xã Mỹ Phước; phía Nam giáp Kênh Trà Cú Cạn; phía Bắc giáp Kênh 500).	1,05	42.000
2.3.2	Khu vực 3, vị trí 4 (phía Đông giáp ranh thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa; phía Tây giáp ranh xã Mỹ Phước; phía Nam giáp Kênh 500; phía Bắc giáp ranh xã Hưng Phú).	1,2	42.000
2.4	Đất trồng cây lâu năm (trừ Mục 2.1, 2.2)		
2.4.1	Khu vực 3, vị trí 3 (phía Đông giáp ranh thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa; phía Tây giáp ranh xã Mỹ Phước; phía Nam giáp Kênh Trà Cú Cạn; phía Bắc giáp Kênh 500).	1,05	47.000
2.4.2	Khu vực 3, vị trí 4 (phía Đông giáp ranh thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa; phía Tây giáp ranh xã Mỹ Phước; phía Nam giáp Kênh 500; phía Bắc giáp ranh xã Hưng Phú).	1,18	47.000

